

THÔNG TIN

VỀ TÌNH HÌNH VÀ NHU CẦU THU HÚT ĐẦU TƯ CỦA CÁC TỈNH NAM LÀO

1. Tỉnh Champasak:

1.1. Thông tin cơ bản:

Tỉnh Champasak có diện tích: 15.350 km², đồng bằng chiếm 74%, cao nguyên chiếm 26%, phù hợp cho phát triển nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), công nghiệp, thương mại, văn hóa và du lịch. Tỉnh có 01 thành phố và 09 huyện, dân số khoảng gần 800.000 người, mật độ dân số 45 người/km².

Tỉnh Champasak không có biên giới tiếp giáp trực tiếp với Việt Nam; có 02 cửa khẩu quốc tế, gồm: Cửa khẩu quốc tế Văng-tàu – Xoòng-méc; cửa khẩu quốc tế Noong-nóc-khiển và 01 sân bay quốc tế; có 03 khu công nghiệp gồm: khu công nghiệp kết nối huyện Ba-chiêng-chạ-lon-xúc và huyện Pạ-thum-phon; khu công nghiệp km12 huyện Phôn-thoong và Khu công nghiệp Km30 huyện Xạ-nạ-xôm-bun; có 04 khu sản xuất nông nghiệp: Khu cao nguyên Bolaven, huyện Paksong; khu kết nối giữa cao nguyên Bolaven với đồng bằng, huyện Ba-chiêng-chạ-lon-xúc và một phần của huyện Xạ-nạ-xôm-bun; khu dọc bờ sông Mê-công và 04 huyện phía Tây; có 04 khu du lịch: Khu vực 1, gồm: TP Pakse, huyện Ba-chiêng-chạ-lon-xúc, huyện Xạ-nạ-xôm-bun và huyện Phôn-thoong trở thành điểm du lịch Văn hóa; Khu vực 2: khu du lịch huyện Chăm-pa-xắc và di sản thế giới Vat Phou; Khu vực 3: Huyện Paksong trở thành khu du lịch sinh thái và nông nghiệp; Khu vực 4: khu du lịch Mả-hả-na-thi Xi-thăn-đon, huyện Khổng; có 04 khu kinh tế đặc biệt: Khu kinh tế đặc biệt Văng-tàu; Mả-hả-na-thi Xi-thăn-đon; Khu công nghiệp SME Lào – Nhật Bản và Khu Công nghiệp Lào Dịch vụ.

Giai đoạn 2021-2025, tổng sản phẩm quốc nội của tỉnh đạt 172.653 tỷ kip, vượt 32,7% kế hoạch; tốc độ tăng trưởng bình quân 5,45%, thu nhập bình quân đầu người đạt tương đương 2.424 USD/người/năm, ngành nông-lâm nghiệp chiếm 32,93%; công nghiệp chiếm 23,55% và dịch vụ chiếm 43,53%. Lượng khách du lịch đạt 1.123.458 lượt khách/năm, tăng thu nhập đạt 233,24 triệu USD. Xuất khẩu chính (chiếm 40% của Lào): cà phê, cao su, sầu riêng, gỗ nguyên liệu, điện, bauxit. Nhập khẩu: xăng dầu, máy móc nông nghiệp (chiếm 14% của Lào), thép nguyên liệu, phụ tùng vận tải. Toàn tỉnh có 244 địa điểm du lịch, trong đó có 139 địa điểm du lịch sinh thái, 62 địa điểm du lịch văn hóa, 43 địa điểm du lịch lịch sử.

1.2. Nhu cầu thu hút đầu tư: các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, hạ tầng giao thông, vận tải, logistics, phát triển nguồn nhân lực, thủy lợi kết hợp nuôi cá và điện mặt trời, nhà máy chế biến nông sản, nhà máy sản xuất phân bón, nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất giống cây trồng và vật nuôi.

2. Tỉnh Sekong:

2.1. Thông tin cơ bản:

Tỉnh Sekong nằm ở phía Đông Nam của Lào, có tổng diện tích 7.750 km², chiếm 3,27% tổng diện tích cả nước; dân số 140.051 người (năm 2025). Phía bắc

giáp tỉnh Salavan, phía nam giáp tỉnh Attapeu, phía tây giáp tỉnh Champasak, phía đông giáp các tỉnh Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Kon Tum; có đường biên giới chung dài 280 km.

Giai đoạn 2021-2025, kinh tế tăng trưởng trung bình 6%/năm; tổng thu nhập của tỉnh đạt hơn 1.7000 tỷ kip; thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 32 triệu kip/năm...; nông lâm chiếm 15,3%; công nghiệp chiếm 32,3%, dịch vụ chiếm 52,4%. Xuất khẩu chính: Điện, cà phê, các sản phẩm gỗ nguyên liệu, than, cao su.... Nhập khẩu chính: Thiết bị cho nông nghiệp, cho các dự án thủy điện và các dự án mỏ; xi măng, thép, xăng dầu, hóa chất phục vụ nông nghiệp, giống cây trồng.

Địa hình gồm: miền núi, cao nguyên và đồng bằng. Cụ thể: (i) Vùng núi: Có diện tích khoảng 5.037 km², chiếm 65% diện tích toàn tỉnh, tập trung chủ yếu ở huyện Ka-lum, huyện Đắc-chưng và một phần huyện La-mam. (ii) Cao nguyên: Diện tích cao nguyên của tỉnh khoảng 2.325 km², chiếm 30% diện tích toàn tỉnh. Khu vực này chủ yếu nằm ở huyện Thà-teng và bao gồm một phần huyện La-mam. (iii) Đồng bằng: khoảng 388 km², chiếm 5% tổng diện tích toàn tỉnh, chủ yếu nằm ở huyện La-mam và là hạ lưu của sông Sekong.

2.2. Tiềm năng, thế mạnh đầu tư của tỉnh Sekong:

- Tài nguyên đất: thích hợp trồng lúa gạo, cà phê, cây ăn quả, hoa, sâm, dược liệu, rau, chè tự nhiên, nuôi cá, gia cầm, chăn nuôi gia súc.

- Tiềm năng khoáng sản: quặng vàng, than, đồng, quặng sắt, vôi, đá xanh, cát xây dựng, khoáng sản quặng hiếm và các loại quặng khác; Có một số loại khoáng sản đã có nhà đầu tư đến nghiên cứu, thăm dò nhưng một số dự án chậm tiến độ và điều kiện phát triển hạn chế, do đó muốn thu hút nhà đầu tư có nguồn vốn, có công nghệ cao, có năng lực để triển khai dự án có hiệu quả tốt nhất.

- Tiềm năng đầu tư vào năng lượng sạch: Năng lượng điện gió, huyện Đắc Chưng; năng lượng mặt trời ở các huyện Kalum và huyện Lamam; thủy điện tại huyện Ca-lum, huyện Đắc Chưng, huyện Lamam và huyện Thà-teng.

- Tiềm năng giao thông (trọng tâm đầu tư đường cao tốc): Tỉnh Sekong nằm ở giữa các tỉnh Nam Lào, là điểm kết nối của hành lang kinh tế Đông Tây.

- Tiềm năng về phát triển du lịch sinh thái: Tỉnh Sekong có tổng số 42 khách sạn và nhà khách, có khả năng đón 400 khách trong và ngoài nước/đêm, 47 nhà hàng và cửa hàng giải trí, 9 khu nghỉ dưỡng du lịch sinh thái và vườn ẩm thực; Có tài nguyên du lịch tự nhiên, lịch sử và văn hóa (thác Pheck, thác Hoa Kon, thác Phai Mai, Keng Luang, nguồn nước ấm ở huyện Kalum, hang Nang Lao, điểm ngắm cảnh Phu Ngoa, Phu Kung King), khu du lịch vườn quốc gia, làng nghề thủ công.

Nhu cầu thu hút đầu tư: Lĩnh vực nông-lâm nghiệp, điện gió, điện mặt trời, hạ tầng giao thông (khu vực cửa khẩu quốc tế Nam Giang-Đắc Tà Oọc), chế biến nông sản, du lịch sinh thái.

3. Tỉnh Salavan:

3.1. Thông tin cơ bản:

Tỉnh Salavan nằm trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC), tiểu vùng Mê-công (GMS), phía Đông giáp Việt Nam (tỉnh Quảng Trị, Huế); phía Tây giáp Thái Lan (tỉnh Ubon Ratchathani); phía Nam giáp tỉnh Chăm-pa-sắc và tỉnh Sekong; phía Bắc giáp tỉnh Savannakhet.

- Dân số: 450.000 người (2022); diện tích: 1.069.100 ha, chia làm ba khu vực:

+ Khu vực đồng bằng có diện tích 497.920 ha, chiếm 46%; là khu vực có thế mạnh về lĩnh vực nông nghiệp, cấy lúa chiêm và lúa mùa, trồng cây mùa khô, nông nghiệp chế biến và dịch vụ.

+ Khu vực cao nguyên có diện tích 207.700 ha, chiếm 19%; phù hợp với việc trồng cà phê, chuối, sa nhân và một số loại cây ăn quả khác; có điều kiện trong việc sản xuất công nghiệp chế biến, chăn nuôi và dịch vụ gắn liền với hoạt động du lịch.

+ Khu vực miền núi có diện tích 363.475 ha, chiếm 35%; phù hợp cho việc trồng cây công nghiệp ngắn và trung hạn, dịch vụ du lịch, thủy điện quy mô nhỏ và vừa.

Giai đoạn 2021-2025, kinh tế tăng trưởng trung bình 5,3%/năm; tổng thu nhập của tỉnh đạt hơn 36.000 tỷ Kíp; thu nhập bình quân đầu người đạt hơn 17 triệu kíp/năm...; nông nghiệp chiếm 56,5%, công nghiệp chiếm 21,4%, dịch vụ chiếm 22,1%. Xuất khẩu chính: than đá, Sắn, gỗ nguyên liệu và các sản phẩm gỗ, hàng công nghiệp nhẹ. Nhập khẩu chính: Nhiên liệu, máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị điện.

3.2. Thế mạnh và cơ hội đầu tư tại tỉnh Salavan

- Nông nghiệp sử dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi.
- Dịch vụ du lịch, du lịch sinh thái.
- Công nghiệp chế biến, sản xuất, dịch vụ.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Năng lượng mặt trời
- Phát triển nguồn lực, đào tạo nghề.
- Dịch vụ kết nối hạ tầng giao thông vận tải và logistics.
- Khai thác khoáng sản
- Chế biến gỗ

4. Tỉnh Attapeu:

4.1. Thông tin cơ bản:

Tỉnh Attapeu có phía Đông giáp với tỉnh Kon Tum; phía nam giáp với tỉnh Stung-treng và tỉnh Rattanakiri (Campuchia). Địa hình của tỉnh: Khu vực núi cao 690.000 ha, có độ cao 800-1.500m so với mực nước biển; Khu vực đồi núi 120.000 ha, có độ cao 300-1.000m so với mực nước biển; Khu vực đồng bằng 222.000 ha, có độ cao 78-300m so với mực nước biển. Khu vực thấp nhất là 78m tại huyện Sạ Nam Xay và khu vực cao nhất là 1.500m tại huyện Xan Xay. Tỉnh có 5 huyện, dân số 162.276 người (số liệu năm 2022).

Năm 2025, tốc độ tăng trưởng GDP là 5,87%; tổng sản phẩm quốc nội đạt 5.600 tỷ kip, thu nhập bình quân đầu người đạt 1.805 USD. Trong giai đoạn 2021-2025: thu ngân sách trung ương đạt 468,50 tỷ Kíp, tương đương 157%; thu ngân sách tỉnh đạt 1.903,94 tỷ Kíp, tương đương 185% Kế hoạch cơ cấu kinh tế: Ngành nông nghiệp chiếm 43,55%, công nghiệp 27,07% và dịch vụ 29,37%. Giá trị xuất khẩu đạt 158,32 triệu USD. Giá trị nhập khẩu đạt 33,62 triệu USD.

4.2. Tiềm năng và cơ hội đầu tư:

- Lĩnh vực nông-lâm nghiệp: Tỉnh Attapu có tổng diện tích sản xuất nông nghiệp là 109.844 ha, là một trong 7 vùng đồng bằng lớn của Lào, với nhiệt độ trung bình từ 18-32 độ, với lượng mưa trung bình hàng năm từ 2.200-2.500 milimét. Điều kiện khí hậu, địa hình của tỉnh phù hợp cho chăn nuôi và trồng lúa, cây công nghiệp như cà phê, cao su; cây ăn quả như chuối, thanh long, xoài, ngô. Hiện nay, tỉnh đã xác định cây lúa, cây mía, cây sắn là cây trồng ưu tiên của tỉnh và đang có chiến lược phát triển theo hướng tập trung. Toàn tỉnh có hơn 285.145 ha đất có thể sử dụng để trồng cây lương thực, cây công nghiệp, gỗ công nghiệp và chăn nuôi.

- Lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản và đầu tư phát triển trang trại công nghiệp: Toàn tỉnh Attapu đã trồng 15.366,60 ha cao su, hầu hết các cây cao su đã đủ tuổi lấy mủ. Hiện có 1 nhà máy chế biến mủ cao su thành phẩm của Công ty Hoàng Anh Gia Lai tại huyện Xay Sết Thả. Các mặt hàng xuất khẩu chính là: điện, đá cẩm thạch, cao su, đường, chuối, thanh long, bò thịt, sắn và các loại lâm sản khác. Hiện tỉnh Attapeu đã xác định được chiến lược và quy hoạch phát triển khu công nghiệp chế biến của tỉnh (khu km 8B, có diện tích 580 ha, thuộc huyện Xaysettha). Khu công nghiệp này sẽ nhận được nhiều chính sách, ưu đãi, khuyến khích nhà đầu tư đầu tư bằng cách miễn thuế lợi tức, có chính sách giảm tiền thuê đất, nhượng đất theo quy định và pháp luật. Tỉnh đã phê duyệt diện tích đất xây dựng nhà máy xí nghiệp cho tư nhân trong và ngoài nước với tổng diện tích khoảng 120 ha, còn lại 460 ha để thu hút các nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước vào phát triển thêm tại khu vực nói trên.

- Thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch:

Hóa thạch, có diện tích 36 ha, thuộc khu vực bản Hặt Xăn, huyện Xay Sết Thả; Nong Pha, có diện tích 213 ha, thuộc bản Kay Ốc, huyện Xan Xay; Đồng Kay Ốc, có diện tích 213 ha đất, thuộc bản Kay Ốc, huyện Sanxay; Thác Kong Đình, có diện tích 44 ha, thuộc bản Khăm Vông Sả, huyện Phu Vông; Công viên và quảng trường Chùa Úp Mung, có diện tích 21.891 ha, thuộc bản Sekaman, huyện Sả Mắc Khi Xay;

Chùa Phu Sảm Sầu, Keng Pha Phong, có diện tích 190 ha, thuộc bản Hát Xăn, huyện Xay Sết Thả; Dong Ho, có diện tích 14,75 ha, thuộc bản Vất Luông, huyện Xaysetha; Di tích Ma Lăk Ông Kan, có diện tích 1 ha, thuộc khu vực bản Xay Si, huyện Xay Sết Thả; phát triển khu vực Núi Sạ Phong để trở thành khu du lịch, phát triển kinh tế và sân golf với 16 dự án đầu tư có diện tích khoảng 246,29 ha tại khu vực bản Si Vi Lay, huyện Sả Măk Khi Xay; kêu gọi đầu tư phát triển du lịch lịch sử (đường Trường Sơn-đường Hồ Chí Minh trên đất Lào).

- Lĩnh vực dịch vụ quá cảnh liên kết giữa các tỉnh phía Nam và các nước

Tỉnh Attapu nằm ở trung tâm của khu tam giác phát triển kinh tế (CLV), có Quốc lộ 18B nối Campuchia-Lào-Việt Nam, là tuyến giao thông đi lại, nối liền 4 tỉnh Nam Lào với Việt Nam và Campuchia, đã tạo điều kiện cho vận chuyển hàng hóa quá cảnh trong nước và quốc tế. Hiện tại tỉnh Attapu có 1 cửa khẩu quốc tế là cửa khẩu Phu Cưa giáp với Việt Nam (cửa khẩu Bờ Y) và 2 cửa khẩu phụ giáp với Campuchia tại huyện Phuvong và huyện Sanamxay. Tỉnh có kế hoạch mở rộng đường quốc lộ 1J và 18B đi tới Việt Nam, xây dựng đường quốc lộ 18A từ huyện Xạ-năm-xay đến huyện Pa-thum-phon và huyện Paksong, tỉnh Chăm-pa-xắc, xây dựng đường quốc lộ từ khu vực Chạ-lon-xay/huyện Xán-xay đến cửa khẩu U1 giữa tỉnh Ất-tạ-pư với tỉnh Kon Tum, Việt Nam; nâng cấp sân bay Attapeu kết nối với sân bay phía Nam và miền Trung của Lào và kết nối với các sân bay miền Trung và miền Nam Việt Nam.

- Chính quyền tỉnh Attapu đã ký MOU để nghiên cứu tính khả thi của việc thiết kế và phát triển một thành phố hiện đại ở biên giới tam giác kinh tế (CLV) với trọng tâm là du lịch và hệ thống dịch vụ cửa khẩu, v.v. trên tổng diện tích đất 150 ha và 350-500 ha đất dự trữ, bao gồm 34 hoạt động/dự án với tổng giá trị ước tính là 1.330.755.650 USD để thu hút các nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước cùng phát triển khu vực nói trên.

Nhu cầu thu hút đầu tư: Các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, trồng cây công nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi; sản xuất giống cây trồng, giống con vật nuôi; năng lượng, khoáng sản, dịch vụ và du lịch; xây một kho chứa dầu tại khu vực biên giới hoặc tại tỉnh; nâng cấp đường tại khu vực cửa khẩu quốc tế Phu-cưa; phát triển du lịch tuyến đường Trường Sơn-đường Hồ Chí Minh trên địa phận tỉnh Attapeu.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ VÀO TỈNH CHAMPASAK, CHDCND LÀO

STT	Thành phố/huyện	Dự án
1.	Thành phố Pakse	Dự án phát triển đô thị hiện đại tại vùng núi Ba-chiêng và phía bắc thành phố Pakse (khu vực làng Chong Noy), tổng diện tích: 329 ha.
2.	Huyện Phonthong	1. Dự án phát triển du lịch vùng núi Malong và núi Phou 2. Phát triển Hồ chứa nước thủy lợi Hoay Wang He, tổng diện tích: 889 ha, bao gồm các dự án điện mặt trời và nuôi cá. 3. Sản xuất lúa 3 vụ, tổng diện tích: 150 ha.
3.	Huyện Xanasomboun	1. Phát triển khu du lịch vùng núi Xiêng-thong; 2. Xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón và thức ăn chăn nuôi, tổng diện tích: 5-150 ha. 3. Sản xuất lúa 3 vụ, tổng diện tích: 150 ha.
4.	Huyện Pathoumphone	1. Phát triển các khu du lịch Hồ Kiet-nong và chùa Umong 2. Xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón, tổng diện tích: 5-150ha.
5.	Huyện Bachiang	1. Xây dựng các nhà máy sản xuất cao su, tổng diện tích 5-150ha. 2. Phát triển diện tích trồng cây sầu riêng, tổng diện tích: 5-150 ha. 3. Phát triển khu du lịch vùng núi Ba-chiêng.
6.	Huyện Champasak	Phát triển du lịch tại khu Nong Hua Ling, tổng diện tích: 150ha.
7.	Huyện Paksong	1. Phát triển trồng trọt và chăn nuôi gia súc ở làng Nong-le, tổng diện tích: 84 ha 2. Canh tác và chăn nuôi gia súc ở vùng khí hậu mát ở bản Huội-xoi, tổng diện tích: 150 ha
8.	Huyện Mounlapamok	Xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón và thức ăn gia súc, tổng diện tích: 5-150ha
9.	Huyện Soukhuma	Sản xuất lúa ba vụ, tổng diện tích: 150ha.
10.	Huyện Không	1. Phát triển các khu du lịch đảo 2. Sản xuất lúa ba vụ, tổng diện tích: 150ha.

Tỉnh Salavan kêu gọi khu vực đầu tư

STT	Tên dự án	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
1	Chăn nuôi hiện đại	2	Huyện Salavan
2	Dự án phát triển Công viên Khemxedon và dịch vụ	1	Huyện Salavan
3	Dịch vụ gom rác	10	Huyện Salavan
4	Phòng khám hiện đại	1	Huyện Salavan
5	Trường trung học cơ sở tư thực	2	Huyện Salavan
6	Dự án khảo sát năng lượng thay thế (điện mặt trời)	100	Huyện Tà-ôi
7	Xây dựng trạm dừng nghỉ	3	Huyện Tà-ôi
8	Phát triển du lịch thác nước	10	Huyện Tà-ôi
9	Dự án triển khai Nuôi lợn	5	Huyện Tum-lan
10	Dự án Trường mẫu giáo	1	Huyện Tum-lan
11	Phát triển du lịch thác nước Layla	11	Huyện Tum-lan
12	Xưởng xây gáo hiện đại	5	Huyện Va-pi
13	Xưởng chế biến đường	10	Huyện Va-pi
14	Phát triển điểm du lịch Keng-ku-pac-sét	2	Huyện Va-pi
15	Trồng lúa	100	Huyện Khongxedon
16	Sản xuất sinh khối	5	Huyện Khongxedon
17	Dự án Nuôi gà trang trại	10	Huyện Khongxedon
18	Nhà máy chế biến cao su	126	Huyện Lào-ngam
19	Nhà máy Sản xuất nông nghiệp sinh khối	50	Huyện Lào-ngam
20	Lọc dầu sinh học	10	Huyện Lào-ngam
21	Dự án Chăn nuôi gia súc công nghiệp	30	Huyện Lào-ngam
22	Dự án Chế biến nông sản	30	Huyện Lào-ngam
23	Dự án Dịch vụ du lịch	10	Huyện Lào-ngam
24	Phát triển thị trường và vận tải	50	Huyện Lào-ngam
25	Dự án chăn nuôi (trâu, bò, lợn, dê)	100	Huyện Lào-ngam
26	Phát triển du lịch thác nước Tandu	30	Huyện Lào-ngam